
Bản án số: 38/2023/DS-PT

Ngày 03 tháng 4 năm 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thiết kế
và hợp đồng thi công xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Thanh Mai

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ -Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 110/2022/ DS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thiết kế và hợp đồng thi công xây dựng*” do Bản án số: 166/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 50/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 74/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc Đ, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: X7, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Đỗ Hoàng Thành N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ liên hệ: Số X7, đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn:

1/ Công ty TNHH D.

Địa chỉ: Số X5, đường C, phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Đinh Thanh B-Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Châu Thành N-Công ty luật L-Đoàn luật sư thành phố N.

Địa chỉ: Phòng X11, Tòa nhà A X0-CTX, phường H, quận G, thành phố N.

2/ Ông Đinh Thanh B, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số X11, đường B, phường X, thành phố Đà Nẵng.

- Người làm chứng:

Ông Ngô Mậu G, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Khu đô thị H, đường T, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

-Người kháng cáo: Công ty Công ty TNHH D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Quốc Đ thuê Công ty D do ông Đinh Thanh B làm Giám đốc, thiết kế và thi công nhà ở của ông Đ tại X7, huyện H, tỉnh B.

Ngày 04/8/2021, ông Đ và Công ty ký hợp đồng thiết kế cho ba nội dung chính là: Thiết kế kiến trúc, thiết kế điện nước, thiết kế kết cấu và các nội dung công việc có liên quan với tổng chi phí là 37.100.000đ. Việc giao kết giữa ông Đ và Công ty được thực hiện bằng điện thoại và tin nhắn zalo.

Ngày 10/8/2021, ông Đ chuyển số tiền 19.000.000đ vào tài khoản của ông B.

Sau đó, ông Đ giao phần thi công phần thô cho Công ty thực hiện. Ngày 10/9/2021, ông B gửi cho ông Đ bảng dự toán hạng mục công trình với toàn bộ chi phí thi công phần thô là 2.657.125.000đ. Ông Đ đồng ý và đặt cọc 10% giá trị mà

Công ty đã báo giá. Ngày 11/9/2021, ông Đ chuyển khoản 267.319.300đ vào tài khoản của ông B.

Thời hạn để hoàn thiện thiết kế và bắt đầu thi công theo thỏa thuận giữa hai bên là 20/9/2021 nhưng Công ty không thiện chí trong việc đưa ra hướng giải quyết, liên tục thay đổi giá nhằm gây áp lực cho ông Đ. Sự việc lên đến đỉnh điểm khi ông Đ yêu cầu ông B và Công ty hoàn trả lại số tiền đã chuyển. Quá trình thiết kế, ông B và Công ty luôn hứa hẹn tiến độ thiết kế. Đến cuối tháng 9/2021 mới chỉ giao được bản vẽ thiết kế kiến trúc, thiết kế điện nước.

Ông Đ khởi kiện đề nghị chấm dứt hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng với Công ty. Buộc ông B và Công ty hoàn trả số tiền 267.319.300đ. Ông Đ rút yêu cầu tiền lãi và số tiền 19.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Đ không đồng ý vì:

Đối với yêu cầu buộc ông Đ chịu phạt 20% giá trị hợp đồng thi công xây dựng với số tiền là 534.639.000đ: Giữa ông Đ và ông B đã nhiều lần thống nhất chấm dứt hợp đồng thi công vì Công ty chậm tiến độ thiết kế và chưa có kế hoạch khởi công nên ngày 17/9/2021. Ông Đ đề nghị dừng thực hiện hợp đồng và ông B đồng ý chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng, chỉ tính tiền thiết kế. Vì thế việc chấm dứt hợp đồng là sự tự nguyện của hai bên. Đồng thời, việc chấm dứt hợp đồng trên hoàn toàn do lỗi của Công ty.

Ngoài ra, hợp đồng ký kết giữa các bên vô hiệu dẫn đến không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nên yêu cầu này là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu thanh toán chi phí thiết kế còn lại với số tiền 18.100.000đ: Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông B và Công ty không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bản thân ông B cũng thừa nhận vi phạm nghiêm trọng về chất lượng của các bản vẽ do chính Công ty thiết kế.

-Công ty TNHH D trình bày:

Về thỏa thuận thiết kế công trình: Ngày 04/8/2021, ông Đ và Công ty thống nhất ký hợp đồng thiết kế cho ba nội dung chính là thiết kế kiến trúc, thiết kế điện

nước, thiết kế kết cấu và các nội dung công việc có liên quan với tổng chi phí là 37.100.000đ.

Sau khi ông Đ chuyển tiền cọc ngày 10/8/2021, Công ty bắt đầu triển khai thực hiện phương án thiết kế mặt bằng sơ bộ. Sau khi ông Đ đồng ý với phương án thiết kế mặt bằng sơ bộ thì Công ty sẽ triển khai tiếp các hạng mục gồm: Phối cảnh 3D ngoại thất, phương án thiết kế thi công phần kiến trúc, bản vẽ thiết kế thi công phần kết cấu, bản vẽ thiết kế thi công phần điện nước và sau cùng là nội thất. Thời hạn bàn giao hồ sơ thiết kế là 25-30 ngày, không bao gồm thời gian chỉnh sửa. Trong quá trình triển khai nếu ông Đ thay đổi phương án thiết kế mặt bằng thì Công ty sẽ tạm dừng triển khai các hạng mục tiếp theo. Khi nào ông Đ thống nhất phương án mới thì Công ty tiếp tục triển khai các hạng mục theo phương án mới. Đến ngày 21/9/2021 Công ty đã gửi các thiết kế đối với các hạng mục gồm: Bảng vẽ thiết kế thi công phần kiến trúc, bảng vẽ thiết kế thi công phần kết cấu, bảng vẽ thiết kế thi công phần điện nước. Ngoài ra, vào ngày 13/9/2021 Công ty đã gửi cho ông Đ hồ sơ xin phép xây dựng và phương án phối cảnh 3D ngoại thất.

Đối với phương án phối cảnh 3D nội thất thì Công ty chưa chuyển vì hai bên chưa thống nhất được giá thiết kế mới theo đơn giá và diện tích thiết kế mới. Việc Công ty thay đổi giá thiết kế là do báo giá ngày 04/8/2021 chỉ có giá trị đến hết ngày 31/8/2021. Công ty đã gửi báo giá mới ngày 21/9/2021 là 108.180.000đ theo diện tích thiết kế mới và đơn giá tại thời điểm ngày 21/9/2021. Do ông Đ không đồng ý nên ngày 22/9/2021 Công ty gửi báo giá thiết kế mới là 57.370.000đ theo diện tích thiết kế mới và đơn giá cũ theo phương án đầu tiên ngày 04/8/2021.

Về hợp đồng thi công xây dựng phần thô công trình: Giữa ông Đ và Công ty đã giao kết hợp đồng về việc thi công xây dựng phần thô công trình, giá trị là 2.673.195.000đ. Bên vi phạm chịu phạt 20% giá trị hợp đồng và ông Đ đã chuyển cho Công ty số tiền 10% giá trị hợp đồng là 267.319.500đ. Công ty đã mua vật tư để thi công công trình. Để chuẩn bị cho việc thi công nhà ông Đ, Công ty đã đặt cọc sắt thép, nhân công, vật tư, máy móc có liên quan và yêu cầu tập kết tại công trình.

Theo thỏa thuận ngày thi công là ngày 20/9/2021 nhưng do tình hình dịch Covid đang diễn biến phức tạp, chưa có thông báo cụ thể về việc cho phép di chuyển nên Công ty chưa thống nhất được ngày thi công.

Ngày 02/10/2021 thành phố Đà Nẵng cho phép các cá nhân đã được tiêm tối thiểu 02 mũi vaccine ngừa Covid -19 được ra khỏi thành phố. Tuy nhiên, sau đó ông Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng, đòi tiền cọc và không bàn giao mặt bằng đã vi phạm điều khoản trong hợp đồng và gây ảnh hưởng cho Công ty.

Công ty không chấp nhận yêu cầu của ông Đ và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty là buộc ông Đ thanh toán cho Công ty số tiền phạt bằng 20% giá trị của hợp đồng là 534.639.000đ và số tiền còn lại của báo giá thiết kế: 18.100.000đ.

-Người làm chứng ông Ngô Mậu G trình bày:

Tôi là cộng tác viên thiết kế kết cấu công trình và nhận lại thi công những công trình của Công ty D. Ông B giao cho tôi thiết kế kết cấu bê tông cốt thép công trình nhà ở của ông Đ. Ông B yêu cầu tôi triển khai thi công ngày 15/9/2021 nhưng thời điểm đó thành phố Đà Nẵng đang chống dịch nên tôi không thể đáp ứng yêu cầu của ông B. Tôi đã trả lời lịch có thể triển khai thi công là vào ngày 02/10/2021 bắt đầu tập kết tại công trình để triển khai thi công. Ông B đồng ý và tôi đã tiến hành sắp xếp nhân công, máy móc, đặt lịch xe tải vận chuyển đồ, đặt sắt thép.

Khoảng ngày 19, 20/9/2021, ông B gọi điện thoại thông báo là không triển khai thi công nhà ông Đ nên tôi không thực hiện kế hoạch thi công.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã xử và quyết định

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 229, Điều 244, các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 119, Điều 122 và khoản 2 Điều 124, Điều 130, 131, 217, 278, 353, 407, 428 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 23, 33, và 35 Luật giao dịch điện tử 2005; Khoản 1 Điều 138 Luật Xây dựng 2014 và Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc Đ.

2. Tuyên bố: Hợp đồng số 168/2021/HĐTC ngày 11/9/2021 về việc thi công xây dựng phần thô công trình vô hiệu về hình thức; tuyên bố chấm dứt hợp đồng thiết kế công trình giữa Công ty TNHH D và ông Đặng Quốc Đ; buộc Công ty TNHH D có trách nhiệm hoàn trả số tiền là: 267.319.300đ cho ông Đặng Quốc Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty đối với ông Đặng Quốc Đ về việc buộc ông Đ thanh toán số tiền phạt bằng 20% giá trị của hợp đồng là: 534.639.000đ và buộc ông Đặng Quốc Đ thanh toán số tiền thiết kế là: 18.100.000đ.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu:

- Yêu cầu tính tiền lãi tạm tính đến ngày 08/10/2021 theo lãi suất 10%/năm là: 1.411.985đ.

- Yêu cầu buộc Công ty TNHH D và ông Đinh Thanh B hoàn trả số tiền 19.000.000đ tạm ứng chi phí thiết kế.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, Công ty TNHH D kháng cáo, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ngày 04 tháng 8 năm 2021, ông Đặng Quốc Đ và Công ty TNHH D giao dịch thiết kế. Theo đó, Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty) do ông Đinh Thanh B làm Giám đốc, thực hiện thiết kế ba nội dung thiết kế là: Thiết kế kiến trúc, thiết kế điện nước, thiết kế kết cấu và các nội dung công việc có liên quan với tổng chi phí là 37.100.000đ. Đồng thời, ông Đ cũng giao phần thi công xây dựng nhà ở của ông Đ tại Đ tại X7, huyện H, tỉnh B cho Công ty thực hiện. Việc giao kết giữa ông Đ và Công ty được thực hiện bằng điện thoại và tin nhắn zalo.

[2] Theo ông Đ là đối với phần thiết kế, ông Đ đã chuyển cho Công ty số tiền là 19.000.000đ và 267.319.300đ đối với phần thi công xây dựng nhà ở nhưng Công ty không thực hiện các giao kết. Ông Đ yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 267.319.300đ, không yêu cầu tiền lãi chậm trả và không yêu cầu trả số tiền 19.000.000đ. Còn Công ty cho rằng, Công ty đã thực hiện các yêu cầu thiết kế, nên yêu cầu ông Đ phải giao tiếp số tiền thiết kế còn thiếu là: 18.100.000đ. Đồng thời do ông Đ có lỗi trong việc thực hiện việc thi công xây dựng nhà nên ông Đ phải bồi thường cho Công ty số tiền 534.639.000đ.

[3] Tại Bản án số: 166/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc buộc Công ty trả số tiền 267.319.300đ; Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của Công ty.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ không kháng cáo. Công ty kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Đ và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty. Do đó, HĐXX chỉ xem xét xét các nội dung liên quan đến kháng cáo của Công ty. Quyết định bản án đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đ về việc rút yêu cầu tiền lãi của số tiền 267.319.300đ và tiền thiết kế: 19.000.000đ, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

[5] Xem xét kháng cáo của Công ty đối với các yêu cầu của ông Đ thì thấy:

[5.1] Đối với yêu cầu chấm dứt giao dịch thiết kế: Ngày 04/8/2021, ông Đ và Công ty thống nhất thiết kế cho ba nội dung: Thiết kế kiến trúc, thiết kế điện nước, thiết kế kết cấu và các nội dung công việc có liên quan. Trong quá trình thực hiện thiết kế, Công ty đã đơn phương dừng thực hiện thiết kế. Do đó, ông Đ yêu cầu chấm dứt giao dịch thiết kế là có căn cứ.

[5.2] Đối với số tiền ông Đ đã chuyển cho Công ty để thi công xây dựng nhà: Sau khi ông Đ chuyển cho Công ty số tiền 267.319.300đ nhưng Công ty không triển khai, thực hiện bất kỳ công việc nào để thi công xây dựng nhà ở của ông Đ. Cấp sơ thẩm xác định giao dịch giữa ông Đ và Công ty vô hiệu vì không tuân thủ pháp luật và buộc Công ty phải trả cho ông Đ số tiền 267.319.300đ là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của Công ty:

[6.1] Đối với số tiền thiết kế 18.100.000đ: Thực hiện giao dịch thiết kế, ông Đ đã chuyển cho Công ty số tiền là 19.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thiết kế, Công ty không những vi phạm thời hạn thực hiện thiết kế mà còn nhiều lần tự ý điều chỉnh giá của thiết kế nhưng không được ông Đ chấp nhận. Cấp sơ thẩm xác định việc không thực hiện thiết kế như đã thỏa thuận là do Công ty nên không chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc buộc ông Đ giao tiếp số tiền thiết kế 18.100.000đ là có căn cứ.

[6.2] Đối với yêu cầu của Công ty buộc ông Đ thanh toán số tiền phạt bằng 20% giá trị của giao dịch là: 534.639.000đ: Như nêu trên, sau khi nhận số tiền 267.319.300đ, Công ty không triển khai thực hiện thi công. Mặt khác giao dịch thi công xây dựng giữa Công ty và ông Đ không tuân thủ các quy định của pháp luật về ký kết hợp đồng xây dựng nên cấp sơ thẩm xác định giao dịch thi công xây dựng nhà giữa ông Đ và Công ty là vô hiệu và không chấp nhận yêu cầu của Công ty buộc ông Đ thanh toán số tiền phạt bằng 20% giá trị của hợp đồng là: 534.639.000đ là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty; Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[8] Về án phí DSPT: Do không chấp nhận kháng cáo, Công ty phải chịu án phí DSPT và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH D; Giữ nguyên Bản án số: 166/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

1.1 Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Quốc Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng thiết kế và hợp đồng thi công xây dựng*” với Công ty TNHH D.

1.1.1 Tuyên chấm dứt giao dịch giữa ông Đặng Quốc Đ với Công ty TNHH D về việc thiết kế kiến trúc, thiết kế điện nước, thiết kế kết cấu và các nội dung công việc có liên quan.

1.1.2 Tuyên vô hiệu giao dịch giữa ông Đặng Quốc Đ với Công ty TNHH D về việc thi công xây dựng nhà ở.

1.1.3 Buộc Công ty TNHH D phải hoàn trả cho ông Đặng Quốc Đ số tiền đã nhận thi công xây dựng nhà ở là: 267.319.300đ.

1.1.4 Kể từ khi ông Đặng Quốc Đ yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, Công ty TNHH D còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH D về việc buộc ông Đặng Quốc Đ phải trả cho Công ty TNHH D số tiền thiết kế: 18.100.000đ và số tiền phạt: 534.639.000đ.

1.3 Về án phí DSST:

1.3.1 Công ty TNHH D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc Đ được chấp nhận, số tiền là: 13.365.965đ.

1.3.2 Công ty TNHH D phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, số tiền là: 26.109.560đ, được trừ vào tổng số tiền đã nộp: 13.142.780đ (12.692.780đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001696 ngày 04 tháng 01 năm 2022 và 450.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001789 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L thành phố Đà Nẵng). Công ty TNHH D còn phải nộp số tiền án phí: 12.966.780đ.

1.4 Hoàn cho ông Đặng Quốc Đ 7.193.282đ tạm ứng án phí DSST đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001595 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L thành phố Đà Nẵng).

2/ Án phí DSPT, Công ty TNHH D phải chịu: 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí DSPT Công ty TNHH D đã nộp (*biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002134 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng*).

(*Quyết định bản án đình chỉ yêu cầu của ông Đặng Quốc Đ về việc buộc Công ty TNHH D trả tiền lãi: 1.411.985đ và 19.000.000đ chi phí thiết kế (Điều 4), không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành*).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên và được thi hành theo quy định tại Điều 02 luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND TP Đà Nẵng.
-TAND quận L;
-Chi cục THADS quận L;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trương Chí Trung**